

Số: 6470 /QLB-TTH

Hà Nội, ngày 8 tháng 10 năm 2024

V/v đề nghị chào phí bảo hiểm sức khỏe năm 2025 cho Cán bộ công nhân viên và người thân của Cán bộ công nhân viên Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam

Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam xin gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng và hợp tác.

Để có cơ sở triển khai công tác mua bảo hiểm sức khỏe năm 2025 cho Cán bộ công nhân viên (CBCNV) và người thân của CBCNV (**dự kiến số lượng CBCNV: 3.622 người**), Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam đề nghị Quý Công ty chào phí bảo hiểm sức khỏe với quyền lợi và các điều kiện, điều khoản sau:

I. Quyền lợi bảo hiểm

Quyền lợi bảo hiểm chi tiết tại phụ lục kèm theo.

II. Điều kiện, điều khoản

- Mức miễn thường: Không áp dụng.
- Thời gian chờ: Miễn toàn bộ thời gian chờ cho CBCNV.
- Thẻ bảo hiểm: Thẻ bảo lãnh nội trú/ngoại trú và răng tại bệnh viện/phòng khám trong hệ thống hợp tác với Công ty bảo hiểm).
- Các điều khoản mở rộng:
 - Điều khoản chấp nhận toa thuốc tại bệnh viện công có mã vạch bệnh nhân in điện tử, không cần đóng dấu mộc.
 - Bên bảo hiểm đồng ý chi trả cho người được bảo hiểm điều trị ngoại trú thuộc phạm vi bảo hiểm nhưng không mua thuốc hoặc không cung cấp hóa đơn tiền thuốc thì Nhà bảo hiểm không yêu cầu Người được bảo hiểm cung cấp hóa đơn tiền thuốc nếu người được bảo hiểm không yêu cầu bồi thường chi phí này.

III. Bảo hiểm cho người thân của CBCNV

- Quyền lợi bảo hiểm: Áp dụng CBCNV.
- Các điều kiện điều khoản khác áp dụng như CBCNV.
- Thẻ bảo hiểm: Thẻ bảo lãnh nội trú/ngoại trú và răng tại bệnh viện/phòng khám trong hệ thống hợp tác với Công ty bảo hiểm).
- Đề xuất có áp dụng thời gian chờ đối với người thân của CBCNV hay không.

IV. YÊU CẦU KHÁC

- Cung cấp Quy tắc bảo hiểm sức khỏe.
- Cung cấp danh sách bệnh viện, phòng khám liên kết.

3. Đề xuất thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

(Lưu ý: Công ty bảo hiểm nêu rõ thời hạn hiệu lực của bản chào phí)

Đề nghị Quý công ty gửi chào phí trước 15h00 ngày 14 tháng 10 năm 2024. Địa chỉ nhận chào phí: Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam - Số 6 ngõ 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội. (Người nhận: Bà Bùi Thị Thu Huyền, chuyên viên Ban Kế hoạch Đầu tư. ĐT: 0982968086. Email: huyenbtt@vatm.vn).

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng giám đốc (đề b/c);
- P.TGĐ Nguyễn Văn Tiến (đề b/c);
- Lưu: VT, TTH (H.03b).

**TUO. TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔ TRƯNG TTH**



Vy Trọng Anh

Phụ lục

(Kèm theo Công văn số 6470 / QUB - TTH

ngày 08 / 10 / 2024)

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

STT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM ĐỀ NGHỊ (Số tiền bảo hiểm/ người /năm) (Vnđ)
	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH	
1	Điều kiện A - Bảo hiểm sinh mạng (Phạm vi Việt Nam)	200.000.000
	Chết, tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do mọi nguyên nhân (không bao gồm nguyên nhân tai nạn)	Trả toàn bộ số tiền bảo hiểm
2	Điều kiện B - Chết, thương tật vĩnh viễn do tai nạn (phạm vi toàn cầu)	200.000.000
	- Chết/thương tật toàn bộ vĩnh viễn	100% số tiền bảo hiểm (Mức độ thương tật từ 80% trở lên)
	- Thương tật bộ phận vĩnh viễn	Trả % số tiền bảo hiểm theo Bảng tỷ lệ thương tật/tàn tật vĩnh viễn
3	Điều kiện C- Chi phí y tế do tai nạn (phạm vi toàn cầu)	150.000.000 (Trợ cấp 200.000 đồng/ngày trong thời gian điều trị tai nạn)
	Chi phí cấp cứu/ xe cứu thương, chi phí phẫu thuật và nằm viện, chi phí thuốc men .v.v., theo hạn mức chi phí do Người được bảo hiểm chọn	Theo chi phí thực tế, hợp lý, không vượt quá STBH
4	Điều kiện D - Điều trị Nội trú do ốm đau, bệnh tật (bao gồm cả điều trị răng), thai sản (phạm vi Việt Nam) (Mức trách nhiệm tối đa/năm và theo các giới hạn phụ)	420.000.000
4.1	Nằm viện	144.000.000
	- Tiền giường, phòng - Phòng chăm sóc đặc biệt - Phòng cấp cứu - Sinh thường - Các Chi phí y tế khác trong thời gian nằm viện (bao gồm Chi phí điều trị trong ngày)	Chi phí thực tế, tối đa 6.000.000/ngày và không quá 144.000.000/năm (Bao gồm cả vitamin hoặc khoáng chất được bác sĩ chỉ định để điều trị các bệnh/triệu chứng được xác định do thiếu hụt vitamin hoặc hỗ trợ điều trị bệnh)
	Thời gian nằm viện tối đa	
4.2	Phẫu thuật	144.000.000



STT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM ĐỀ NGHỊ (Số tiền bảo hiểm/ người /năm) (Vnd)
	- Ốm bệnh- Cấy ghép nội tạng- Biến chứng thai sản và sinh mổ (không bảo hiểm chi phí khám thai định kỳ)(Bao gồm cả phẫu thuật trong ngày, tiểu phẫu trong ngày, thủ thuật trong ngày, can thiệp trong ngày)	Chi trả theo chi phí thực tế, tối đa đến 144.000.000
4.3	Các quyền lợi phụ hỗ trợ	
	a/ Chi phí điều trị cấp cứu trước khi nhập viện (đã bao gồm chi phí xe cứu thương, không bao gồm chi phí dịch vụ IPA – dịch vụ của tổ chức cấp cứu quốc tế và cấp cứu đường hàng không)	Tối đa đến 140.000.000 đồng
	b/ Chi phí khám trước khi nhập viện (1 lần khám duy nhất trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện)	6.000.000/năm
	c/ Chi phí điều trị sau khi xuất viện (30 ngày kể từ ngày xuất viện),	6.000.000/năm
	d/ Chi phí y tá chăm sóc ngay tại nhà sau khi xuất viện (tối đa 15 ngày/năm)	6.000.000/năm
	e/ Trợ cấp điều trị do dịch bệnh (tối đa 60 ngày/năm)	120.000/ngày
	f/ Trợ cấp nằm viện/ngày (tối đa 60 ngày/năm);	120.000/ngày
	g/ Chi phí điều trị em bé	500.000/năm
	h/ Dịch vụ xe cứu thương (loại trừ đường hàng không)	Trả toàn bộ theo chi phí thực tế
	i/ Phục hồi chức năng	13.000.000/năm
	k/ Trợ cấp mai táng	2.000.000
	n/ Quyền lợi thai sản:	Bao gồm trong chi phí nằm viện và phẫu thuật (tối đa tới 240.000.000 đồng)
	m/Trợ cấp sinh tại bệnh viện công	Sinh thường: 500.000/ca sinh Sinh mổ: 1.000.000/ca sinh
5	Điều trị ngoại trú do ốm bệnh (phạm vi Việt Nam) (Giới hạn/ năm và theo các giới hạn phụ)	18.000.000
5.1	Chi phí khám bệnh, tiền thuốc theo kê đơn của bác sỹ, chi phí cho các xét nghiệm, chụp XQ, siêu âm, chẩn đoán hình ảnh trong việc điều trị bệnh thuộc phạm vi BH	5.000.000/lần khám và điều trị Không giới hạn số lần khám/năm (Bao gồm cả vitamin hoặc khoáng chất được bác sỹ chỉ

STT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM ĐỀ NGHỊ (Số tiền bảo hiểm/ người /năm) (Vnd)
		định đề điều trị các bệnh/triệu chứng được xác định do thiếu hụt vitamin hoặc hỗ trợ điều trị bệnh)
5.2	Điều trị bằng phương pháp vật lý trị liệu, trị liệu học xạ, nhiệt, liệu pháp ánh sáng và các phương pháp điều trị khác tương tự do Bác sỹ chỉ định.	300.000/ngày, tối đa 60 ngày /năm
5.3	Điều trị răng bao gồm: - Khám, chụp X.Q; - Viêm nướu (lợi), nha chu; - Trám răng bằng chất liệu thông thường như amalgam, composite, fuji...; - Điều trị tủy răng; - Cạo vôi răng, (Lấy cao răng); - Nhổ răng bệnh lý (bao gồm phẫu thuật, tiểu phẫu)	3.000.000/năm
5.4	Khám thai định kỳ/năm	3.000.000 đồng/năm

